PHỤ LỤC
ĐIỀU CHỈNH VÀ BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Tờ trình số 126a/TTr-UBND ngày 04/9/2026 của Hội đồng nhân dân xã Ia Chia)

Đơn vị: triệu đồng

Theo Nghị Quyết số 74/NQ-HĐND ngày 24/12/2025 của HĐND xã Ia Chia								Phụ lục sau Điều chỉnh							
STT	**Tên dự án**	**Địa điểm**	**Thời gian KC-HT**	**Khái toán tổng mức đầu tư (tỷ đồng)**	**Mức vốn trung hạn 2026-2030 đề xuất**	**Thuyết minh cho sự cần thiết đầu tư, sắp xếp thứ tự, mức độ ưu tiên trong danh mục dự án đề xuất đầu tư của đơn vị**	**Nội dung điều chỉnh**	**STT**	**Danh mục dự án**	**Địa điểm xây dựng**	**Quy mô dự kiến**	**Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030**			**Ghi chú**
												Tổng	*Ngân sách trung ương*	*Ngân sách tỉnh*	
I	**CTMTQG xây dựng Nông thôn mới**			**41.000**	**41.000**			**I**	**Hợp phần thứ nhất**			**55.083**	**26.660**	**28.423**	
1	**Hoàn thiện quy hoạch theo quy định đảm bảo đồng bộ, phù hợp, phát huy lợi thế vùng, miền và phát triển bền vững**			**1.000**	**1.000**				**Nội dung thành phần 02**			55.083	26.660	28.423	
1.1	Điều chỉnh quy hoạch chung xã Ia Chia giai đoạn 2026- 2035	Toàn xã	2026	500	500	Điều chỉnh quy hoạch phù hợp với địa giới hành chính mới	Chuyển qua nguồn vốn sự nghiệp tại Quyết định 3329/QĐ-UBND ngày 9/8/2026 của UBND tỉnh Gia Lai		**Nội dung 01**			**55.083**	**26.660**	**28.423**	
1.2	Quy hoạch chi tiết trung tâm xã	Làng Lang, Làng Beng	2026	500	500	Điều chỉnh quy hoạch phù hợp với địa giới hành chính mới		B.1	Xây mới đường làng Nú 1 (đoạn đường cuối làng Nú 1 đi Đội 16)	Làng Nú 1	L=1400m	2.000	968	1.032	
2	**Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu**			**29.000**	**29.000**			B.2	Sửa chữa tuyến đường Làng Nú 1 (Ngã 3 Đội 14 của làng Nú II đi làng Nú 1)	Làng Nú 1	L=3800m	4.075	1.972	2.103	
2.1	Sửa chữa các tuyến đường Làng Nú II	Làng Nú 2	2026	2.000	2.000	Đáp ứng nhu cầu đi lại, đảm bảo an toàn giao thông, giảm thiểu tai nạn	Điều chỉnh giảm	B.3	Sửa chữa các tuyến đường Làng Bía	Làng Bía		1.308	634	674	
2.2	Sửa chữa các tuyến đường Làng Lang	Làng Lang	2026-2027	3.000	3.000	Đáp ứng nhu cầu đi lại, đảm bảo an toàn giao thông, giảm thiểu tai nạn	STT B.4	B.4	Sửa chữa các tuyến đường Làng Lang	Làng Lang	L=2100m	3.000	1.452	1.548	
2.3	Sửa chữa các tuyến đường Làng Kom Ngó	Làng Kom Ngó	2026-2027	2.000	2.000	Đáp ứng nhu cầu đi lại, đảm bảo an toàn giao thông, giảm thiểu tai nạn	Điều chỉnh giảm	B.5	Sửa chữa các tuyến đường Làng Beng	Làng Beng	L=2150m	3.000	1.452	1.548	
2.4	Xây dựng mới đường giao thông làng Lang (tuyến từ Trường nội trú liên cấp đi cầu tràn Đội 19)	Làng Lang	2026-2028	5.000	5.000	Đáp ứng nhu cầu đi lại, đảm bảo an toàn giao thông, giảm thiểu tai nạn	Điều chỉnh giảm	B.6	Sửa chữa các tuyến đường Làng Bang	Làng Bang	L=2200m	3.000	1.452	1.548	
2.5	Sửa chữa các tuyến đường Làng Beng	Làng Beng	2027-2028	3.000	3.000	Đáp ứng nhu cầu đi lại, đảm bảo an toàn giao thông, giảm thiểu tai nạn	STT B.5	B.7	Sửa chữa các tuyến đường Làng Biă Ngó	Làng Biă Ngó	L=2200m	1.500	726	774	
2.6	Sửa chữa các tuyến đường Làng Nú 1	Làng Nú 1	2028	2.000	2.000	Đáp ứng nhu cầu đi lại, đảm bảo an toàn giao thông, giảm thiểu tai nạn	STT B.2	B.8	Sửa chữa các tuyến đường làng Pó	Làng Làng Pó	L=1500m	2.000	968	1.032	
2.7	Sửa chữa các tuyến đường Làng Kom Yo	Làng Kom Yo	2028	1.000	1.000	Đáp ứng nhu cầu đi lại, đảm bảo an toàn giao thông, giảm thiểu tai nạn	STT B.9	B.9	Sửa chữa các tuyến đường Làng Kom Yố	Làng Kom Yố	L=1550m	2.000	968	1.032	
2.8	Sửa chữa các tuyến đường Làng Põ	Làng Põ	2028	2.000	2.000	Đáp ứng nhu cầu đi lại, đảm bảo an toàn giao thông, giảm thiểu tai nạn	STT B.8	B.10	Xây dựng mới đường giao thông làng Pó.	Làng Làng Pó	L=1000m	2.000	968	1.032	
2.9	Sửa chữa các tuyến đường Làng Bang	Làng Bang	2029	3.000	3.000	Đáp ứng nhu cầu đi lại, đảm bảo an toàn giao thông, giảm thiểu tai nạn	STT B.6	B.11	Xây dựng mới đường giao thông làng Kom Yố (Từ nhà bà Rơ Mah Tênh xuống tới cao su Công ty 74).	Kom Yố	L=3000m	6.000	2.904	3.096	
2.10	Sửa chữa các tuyến đường Làng Bía	Làng Bía	2029	1.000	1.000	Đáp ứng nhu cầu đi lại, đảm bảo an toàn giao thông, giảm thiểu tai nạn	STT B.3	B.12	Xây dựng mới đường giao thông làng Beng (Từ nhà ông Puih Bao đến nhà ông Puih Kriu).	Làng Beng	L=2000m	4.000	1.936	2.064	

2.11	Xây mới kênh mương thủy lợi nội đồng	Làng Lang, Làng Beng, Kom Yo	2030	5.000	5.000	Đáp ứng nhu cầu tưới tiêu của người dân	Điều chỉnh giảm	B.13	Sửa chữa nâng cấp mở rộng tuyến đường Đội 12 đi Đội 14 (Hướng ra biên giới (đường huyện cũ))	Kom Ngó	L=5200m	21.200	10.260	10.940	
3	**Công trình điện sinh hoạt, điện sản xuất**			**10.000**	**10.000**			**II**	**Hợp phần thứ hai**			**10.000**	**4.840**	**5.160**	
3.1	**Kéo các đường điện sinh hoạt tuyến 2, tuyến 3**	10 Làng	2026-2030	**10.000**	**10.000**	Đáp ứng nhu cầu sử dụng điện của người dân	Điều chỉnh giảm		**Nội dung thành phần 01**			**10.000**	**4.840**	**5.160**	
4	Công trình giáo dục, văn hoá, thể thao, y tế			8.000	8.000				**Nội dung 04**			**10.000**	**4.840**	**5.160**	
4.1	**Nhà văn hóa Làng Nú II**	**Làng Nú II**	**2026**	**1.000**	**1.000**	**nhu cầu hội họp, sinh hoạt của người dân**		B.14	Xây mới Nhà văn hóa Làng Nú II	Làng Nú II		4.000	1.936	2.064	
4.2	Nhà văn hóa đa năng xã	Làng Beng	2026	6.000	6.000	Đáp ứng nhu cầu hội họp, sinh hoạt của người dân	Điều chỉnh giảm	B.15	Xây mới Trung tâm Văn hoá thể thao xã	Làng Beng		6.000	2.904	3.096	
4.3	Sân thể thao Làng Nú 1	Làng Nú 1	2027	1.000	1.000	Đáp ứng nhu cầu giải trí, thể dục thể thao của người dân	Điều chỉnh giảm								
II	**Chương trình MTQG PT vùng ĐBDTTS miền núi**			**25.500**	**25.500**										
1	**Giao thông**			**16.500**	**16.500**										
1.1	**Xây dựng mới đường giao thông là**	Làng Bang	2026	**1.690**	**1.690**	Đáp ứng nhu cầu đi lại, đảm bảo an toàn giao thông, giảm thiểu tai nạn	Điều chỉnh giảm								
1.2	Đầu tư xây mới mương thoát nước đường giao thông làng Tang (L=1500m)	Làng Tang	2026	1.500	1.500	Đáp ứng nhu cầu đi lại, đảm bảo an toàn giao thông, giảm thiểu tai nạn	Điều chỉnh giảm								
1.3	Xây dựng mới đường giao thông làng Beng (Từ nhà ông Puih Bao đến nhà ông Puih Kriu).	Làng Beng	2027	3.250	3.250	Đáp ứng nhu cầu đi lại, đảm bảo an toàn giao thông, giảm thiểu tai nạn	Điều chỉnh giảm								
1.4	Xây dựng mới đường giao thông làng Nú 2	Làng Nú 2	2027	1.300	1.300	Đáp ứng nhu cầu đi lại, đảm bảo an toàn giao thông, giảm thiểu tai nạn	Điều chỉnh giảm								
1.5	Xây dựng mới đường giao thông làng Nú 1	Làng Nú 1	2028	910	910	Đáp ứng nhu cầu đi lại, đảm bảo an toàn giao thông, giảm thiểu tai nạn	STT B.1								
1.6	Xây dựng mới đường giao thông làng Kom Yố (Từ nhà bà Rơ Mah Tênh xuống tới cao su Công ty 74).	Làng Kom Yố	2028	4.745	4.745	Đáp ứng nhu cầu đi lại, đảm bảo an toàn giao thông, giảm thiểu tai nạn	Điều chỉnh giảm								
1.7	Xây dựng mới đường giao thông làng Põ.	Làng Põ	2029	1.805	1.805	Đáp ứng nhu cầu đi lại, đảm bảo an toàn giao thông, giảm thiểu tai nạn	Điều chỉnh giảm								
1.8	Xây dựng mới đường giao thông làng Kom Ngó (Chia làm nhiều đoạn)	Làng Kom Ngó	2030	1.300	1.300	Đáp ứng nhu cầu đi lại, đảm bảo an toàn giao thông, giảm thiểu tai nạn	Điều chỉnh giảm								
2	**Các công trình đặc thù khác do địa phương đề xuất**			**9.000**	**9.000**										
2.1	Duy tu, bão dưỡng các điểm trường mẫu giáo 8/3	9 Làng	2026-2030	9.000	9.000	Đáp ứng nhu cầu học tập của các cháu học sinh	Điều chỉnh giảm								
	TỔNG CỘNG			**73.500**	**73.500**				**TỔNG CỘNG**			**65.083**	**31.500**	**33.583**	